

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05-02-2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Trường

Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh – CBTA

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên
tòa:** Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 2 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 982/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Mai T sinh năm : 1983

Địa chỉ: 212/11 Nguyễn Hữu C, phường T, thành phố V, tỉnh B (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Vũ Quang B, sinh năm : 1971

Địa chỉ: 212/11 Nguyễn Hữu C, phường T, TP V, tỉnh B. (vắng mặt xét xử lần 2 không lý do chính đáng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 9 năm 2020 và quá trình làm việc tại Tòa, nguyên đơn- Bà Trần Mai T trình bày:

Bà Trần Mai T và ông Vũ Quang B tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 11 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Su, huyện C, tỉnh B.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2010 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà T phát hiện ông B có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay, Bà Trần Mai T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Vũ Quang B.

Về con chung: bà T xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là Vũ Trần Đan L, sinh ngày: 20-6-2004 và Vũ Trần Anh Q, sinh ngày: 06-11-2006. Bà Trần Mai T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung; Bà T yêu cầu ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/2con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 27 tháng 11 năm 2020, bị đơn – ông Vũ Quang B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Quang B đồng ý ly hôn với Bà Trần Mai T .

Về con chung: ông B xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là Vũ Trần Đan L, sinh ngày: 20-6-2004 và Vũ Trần Anh Q, sinh ngày: 06-11-2006. Ông B đồng ý nhường quyền nuôi hai con cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Ông B đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo thỏa thuận.

Ông Vũ Quang B vắng mặt nhiều lần các buổi làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử không lý do chính đáng.

* Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ và kiểm sát tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: đề nghị xem xét cho bà T được ly hôn với ông B.

Về con chung: có 02 (hai) con chung là Vũ Trần Đan L, sinh ngày: 20-6-2004 và Vũ Trần Anh Q, sinh ngày: 06-11-2006. Nguyên vọng của các con được ở với mẹ; trên thực tế cháu L và cháu Q đang sống với bà T nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; Bà T yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.500.000đ/con. Xét thấy, bà T yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000đ/tháng/con là phù hợp nên đề nghị ghi nhận. Tài sản

chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết; ông B có yêu cầu chia tài sản chung, tuy nhiên ông B không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 23-9-2020 Bà Trần Mai T có đơn khởi kiện ông Vũ Quang B về việc xin ly hôn. Bà T và ông B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu, vì vậy xác định đây là vụ án khởi kiện về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T có đơn xin giải quyết vắng mặt, ông B nhiều lần vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông B theo khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Mai T và ông Vũ Quang B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 05-11-2003 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh B, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà T cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông B có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách, không có tiếng nói chung. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông B. Ông B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng, Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện cho ông B trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình để Hội đồng xét xử xem xét nhưng ông B không thể hiện thiện chí đoàn tụ hàn gắn gia đình, đã tự tước bỏ quyền lợi của mình. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông B là có thật, được hai bên đều xác nhận; Quá trình làm việc tại Tòa, ông B chấp nhận ly hôn theo đơn khởi kiện của Bà Trần Mai T. Vợ chồng không có thiện chí đoàn tụ, hàn gắn gia đình, mỗi người sống cho cá nhân của mình, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, do đó cuộc sống vợ chồng không còn ý nghĩa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông B là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: có 02 (hai) con chung là Vũ Trần Đan L, sinh ngày: 20-6-2004 và Vũ Trần Anh Q, sinh ngày: 06-11-2006. Ông B đồng ý nhường quyền nuôi hai con chung cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, các con đều có nguyện

vọng ở với mẹ, hiện nay các con đang thực tế sống chung với mẹ, nhằm không để xáo trộn cuộc sống của trẻ nên giao cháu L và cháu Q cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý.

[2.3] .Cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.500.000đ/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét thấy, ông B không đưa ra mức cấp dưỡng nuôi con cụ thể; phía bà T và ông B cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho nguồn thu nhập của ông B. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định : “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn”. Bà T đưa ra mức cấp dưỡng 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng/con là phù hợp với thực tế sinh hoạt học tập trung bình của trẻ nên chấp nhận.

[2.4].Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ông B yêu cầu chia tài sản chung, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ông B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét và tách riêng giải quyết tại vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[2.5].Về án phí : Bà T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm; Ông B phải nộp án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Mai T đối với ông Vũ Quang B.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Mai T được ly hôn với ông Vũ Quang B.
2. Về con chung: bà T xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là Vũ Trần Đan L, sinh ngày: 20-6-2004 và Vũ Trần Anh Q, sinh ngày: 06-11-2006. Bà Trần Mai T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Vũ Trần Đan L và cháu Vũ Trần Anh Q; Ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng)/con, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông B được quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi trên số tiền gốc với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả và tương ứng với số tiền còn phải thi hành án.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Mai T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007150 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Vũng Tàu. Bà T đã nộp xong.

Án phí cấp dưỡng định kỳ: Ông Vũ Quang B phải nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Vũng Tàu.

6. Quyền kháng cáo: Những người tham gia tố tụng có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; Riêng những người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP-VT;
- Thi hành án dân sự TP-VT;
- UBND xã S, huyện C, tỉnh B
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG

